

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ BÁO CÁO THỰC TẬP

1. **Phông chữ** Times New Roman, cỡ chữ 14
2. **Dàn trang:** lề trái 3,5; lề phải 2; lề trên 2, lề dưới 2; dẫn dòng 1,5
3. **Kết cấu báo cáo 3 phần:** Mở đầu, Nội dung chính (kết quả nghiên cứu); Kết luận và khuyến nghị.
4. **Trình bày:**
 - Mục lục
 - Mục lục bảng, biểu (nếu có)
 - Bảng chữ viết tắt hoặc (nếu có)
 - Phần mở đầu
 - Phần nội dung chính (kết quả nghiên cứu)
 - Phần kết luận và khuyến nghị
 - Tài liệu tham khảo
 - Phần phụ lục (Bảng hỏi, một số bảng tần suất và tương quan, biên bản phỏng vấn sâu, các tài liệu liên quan khác...)
5. **Dung lượng báo cáo:** từ 30-40 trang.
6. **Chấm điểm Báo cáo:** cho điểm theo các nội dung cụ thể dưới đây, tổng số tối đa 10 điểm, từng phần cho điểm đến 0,25, tổng điểm cuối cùng làm tròn số tới 0,5:

- Phương pháp NC	1 điểm
- Trình bày công trình (Hình thức, diễn đạt, sơ đồ, hình vẽ...)	1 điểm
- Tài liệu tham khảo (phong phú, có sử dụng trực tiếp, sắp xếp đúng quy định, có phụ lục..., biên bản PVS - bắt buộc - ít nhất 3 biên bản PVS)	1 điểm
- Nội dung (bố cục rõ ràng, logic, biết khai thác và phân tích thông tin (số liệu định tính và định lượng), nhằm chứng minh những luận điểm khoa học trong báo cáo, hướng tới việc làm rõ mục đích nghiên cứu đã đặt ra...)	7 điểm
Tổng số	10 điểm

7. **Điểm thực tập cuối cùng** được tính trên cơ sở 2 điểm thành phần:
 - Điểm do đoàn thực tập đánh giá (ý thức tham gia, sự chuyên cần, tính hiệu quả...), thang điểm 10, **hệ số 0,3**
 - Điểm báo cáo TT (là điểm trung bình chung giữa giáo viên hướng dẫn và giáo viên phản biện), thang điểm 10, **hệ số 0,7**

8. **Trách nhiệm của học viên:** Học viên phải liên hệ với giáo viên hướng dẫn sau khi nhận được D/S phân công giáo viên hướng dẫn (có số điện thoại các thầy cô được phân công) để có lịch làm việc cụ thể. Học viên phải tuân thủ lịch làm việc đã thoả thuận với GVHD. Những học viên nào không liên hệ và làm việc với giáo viên hướng dẫn được phân công, học sinh đó sẽ không có điểm báo cáo thực tập, và phải chịu tự chịu trách nhiệm như việc bỏ một môn thi, giáo viên hướng dẫn không phải chịu trách nhiệm trong trường hợp này .
9. **Trách nhiệm của giáo viên hướng dẫn:** Giáo viên sẽ làm việc với học viên để có một lịch làm việc cụ thể, phù hợp với yêu cầu công việc và lịch trình chung của khoa sau khi nhận được D/S phân công GVHD từ Khoa, và các học viên đã liên hệ. GVHD có trách nhiệm đôn đốc để học viên của mình hoàn thành báo cáo đúng hạn và đạt chất lượng cao.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA XÃ HỘI HỌC
.....000.....

BÁO CÁO THỰC TẬP

**TÌM HIỂU HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI GIẢI TRÍ CỦA TRẺ
EM VÀ NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG
TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ HOÁ HIỆN NAY**

*(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI PHƯỜNG ĐA PHÚC,
QUẬN DƯƠNG KINH - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG)*

Giáo viên hướng dẫn :

Sinh viên thực hiện :

Lớp : K Xã hội học

Hà Nội – 6/2017

MỤC LỤC

	Trang
LỜI MỞ ĐẦU	1
PHẦN 1. MỞ ĐẦU	2
1. Lý do chọn đề tài	2
2. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn	3
2.1 Ý nghĩa lý luận	3
2.2 Ý nghĩa thực tiễn	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	4
3.1 Mục đích nghiên cứu	4
3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu	5
4.1 Đối tượng nghiên cứu	5
4.2 Khách thể nghiên cứu	5
4.3 Phạm vi nghiên cứu	5
5. Các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu	5
5.1 Phương pháp quan sát	5
5.2 Phương pháp chọn mẫu	6
5.3 Phương pháp trưng cầu ý kiến	6
5.4 Phương pháp phỏng vấn sâu	7
5.5 Phương pháp phân tích tài liệu	7
5.6 Phương pháp thống kê xã hội học	7
5.7 Phương pháp thảo luận nhóm tập trung	8
6. Giả thuyết nghiên cứu- khung lý thuyết	8
6.1 Giả thuyết nghiên cứu	8
6.2 Khung lý thuyết	9
PHẦN 2. NỘI DUNG CHÍNH	10
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN-CƠ SỞ THỰC TIỄN	10
1. Cơ sở lý luận	10

1.1 Các lý thuyết	10
1.1.1 Quan điểm Macxit	10
1.1.2 Lý thuyết biến đổi xã hội	11
1.1.3 Lý thuyết phát triển bền vững	12
1.1.4 Lý thuyết xã hội hoá	13
1.2 Các khái niệm công cụ	13
1.2.1 Đô thị hoá	14
1.2.2 Trẻ em	14
1.2.3 Hoạt động vui chơi giải trí	15
2. Cơ sở thực tiễn	16
2.1 Tổng quan vấn đề nghiên cứu	16
2.2 Tổng quan địa bàn nghiên cứu	18
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI GIẢI TRÍ	19
1. Tầm quan trọng của hoạt động vui chơi giải trí đối với trẻ em	19
2. Thực trạng hoạt động vui chơi giải trí của trẻ em	20
2.1 Các loại hình vui chơi giải trí của Trẻ em	20
2.2. Không gian, địa điểm vui chơi giải trí dành cho trẻ em	25
2.3 Thời gian dành cho hoạt động vui chơi giải trí của Trẻ em	26
3. Những nhân tố tác động tới hoạt động vui chơi giải trí của Trẻ em	29
3.1 Vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội	29
3.2 Nhà trường với việc tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em	30
3.2 Gia đình trong tổ chức, quản lý hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em	30
PHẦN 3. KẾT LUẬN-KHUYẾN NGHỊ	35
TÀI LIỆU THAM KHẢO	37
PHỤ LỤC	

